

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HS-ST

Ngày 20 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2023/TLST-HS ngày 30/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HS ngày 07/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Tuấn A (Tên gọi khác: B) - Sinh ngày: 17/11/1981, tại: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú trước khi phạm tội: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm N - Sinh năm: 1953 và bà: Dương Thị Ng - Sinh năm: 1957, cùng trú tại: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 04 tiền án.

Ngày 14/5/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (tại bản án số 133/2013/HSST).

Ngày 10/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 15/7/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án số 161/2016/HSST). Ngày 17/10/2017 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 12/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm, xử phạt 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án số 51/2018/HSST), bị cáo kháng cáo. Ngày 04/4/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm (tại bản án số 117/2018/HSPT). Ngày 04/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 12/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án số 301/2019/HSST). Ngày 25/12/2021 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 22/12/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án 03/2004/HSST). Ngày 22/9/2005, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 26/10/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án 196/2006/HSST). Ngày 18/4/2007, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 05/8/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án 220/2008/HSST). Ngày 08/5/2009, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 30/01/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Trương Thị M – Sinh năm: 1994, địa chỉ: Số N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Thôn D, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Trâm A – Sinh năm: 1995, địa chỉ: Số T, phường P, quận E, thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Quốc T – Sinh năm: 1985, địa chỉ: Số C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Ông Phạm N – Sinh năm: 1953, địa chỉ: Thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Phụng S – Sinh năm: 1973, trú tại: Số A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Tuấn A, sinh năm: 1981, trú tại: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B là người đã có 04 tiền án, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Trong thời gian từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023, Phạm Tuấn A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, Phạm Tuấn A điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đỏ đen, biển số 47N7-72xx, đi đến dãy phòng trọ tại địa chỉ: X, phường T, thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nơi, A dựng xe mô tô trước cổng, đi vào dãy trọ, thì phát hiện phòng trọ số 06 của chị Trương Thị M không có người trông coi nên A đi vào phòng, lén lút trộm cắp 01 túi xách màu trắng, dây đeo bằng kim loại màu vàng của M, rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Khi A đi đến khu vực vắng người qua lại (chưa rõ địa điểm), thì dừng xe mô tô kiểm tra túi xách của M, phát hiện bên trong có số tiền 4.000.000 đồng; 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, 01 bảo hiểm y tế đều mang tên Trương Thị M và 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Đắc T. Lúc này, A lấy số tiền 4.000.000 đồng rồi vứt bỏ túi xách cùng các giấy tờ cá nhân ở khu vực vỉa hè (chưa rõ địa điểm). Số tiền trộm cắp của M, A sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Trương Thị M đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 04/2/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 túi xách màu trắng, dây đeo bằng kim loại màu vàng, trị giá: 60.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/1/2023, Phạm Tuấn A điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đỏ đen, biển số 47N7-72xx đi đến nhà của chị Nguyễn Trâm A, ở tại địa chỉ: C, phường T, thành phố B thì phát hiện nhà đang mở cửa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A dựng xe mô tô bên hông nhà, đột nhập vào phòng khách lén lút trộm cắp 01 ví da hiệu Esmee, màu đỏ đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu

tím của chị Nguyễn Trâm A rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Khi A đi đến khu vực vắng người qua lại (chưa rõ địa điểm), thì dừng xe mô tô kiểm tra ví da của chị Trâm A, phát hiện bên trong có số tiền 4.000.000 đồng; 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng VIB, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển số 47M1-292.39 đều mang tên Nguyễn Trâm A. Lúc này, A lấy số tiền 4.000.000 đồng rồi vứt bỏ ví da cùng các giấy tờ cá nhân ở khu vực vỉa hè (chưa rõ địa điểm). Sau đó, A mang điện thoại Iphone 14 Pro Max của chị Trâm A đến tiệm sửa chữa điện thoại Quốc T, ở thành phố B do anh Nguyễn Quốc T làm chủ, nhờ anh T mở khóa màn hình điện thoại. Do không biết đây là tài sản phạm tội mà có nên anh T đồng ý mở khóa với giá 800.000 đồng và hẹn đến ngày 28/01/2023 quay lại của hàng để lấy điện thoại, thì A đồng ý. Còn chị Nguyễn Trâm A, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để giải quyết. Đến ngày 29/01/2023, anh Nguyễn Quốc T đã tự nguyện giao nộp điện thoại Iphone 14 Pro Max để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 04/2/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 14 Pro max, màu tím, dung lượng 128Gb, trị giá: 25.000.000 đồng; 01 ví da hiệu Esmee màu đỏ-đen, do tài sản chưa thu hồi được, không đủ thông tin về tài sản nên không có cơ sở để định giá tài sản, Hội đồng từ chối định giá. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là: 25.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKS-HS ngày 30/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm Tuấn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, ông Phạm N (là bố của bị cáo Phạm Tuấn A) đã tự nguyện bồi thường cho chị Trương Thị M số tiền 4.000.000 đồng và chị Nguyễn Trâm A số tiền 4.000.000 đồng, là tiền bị cáo A

trộm cắp của M và chị Trâm A. M và chị Trâm A đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì khác

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 áo khoác màu nâu phía sau áo có dòng chữ LANXINUNTUT là tài sản của bị cáo Phạm Tuấn A, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nêu tại bản Cáo trạng.

Bị cáo không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tuấn A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, tại địa chỉ: X, phường T, thành phố B, bị cáo Phạm Tuấn A đã trộm cắp tài sản của chị Trương Thị M, gồm: 01 túi xách màu trắng, trị giá 60.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/01/2023, tại địa chỉ: C, phường T, thành phố B, bị cáo Phạm Tuấn A đã trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Trâm A, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, trị giá 25.000.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo Phạm Tuấn A trộm cắp là 33.060.000 đồng. Bên cạnh đó, bị cáo là người có tiền án, đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm Tuấn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cụ thể:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần trộm cắp tài sản với trị giá trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, có nhiều tiền án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian mới có đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, dung lượng 128Gb, là tài sản của chị Nguyễn Trâm A. Ngày 14/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định trả lại điện thoại cho chị Trâm A nhận quản lý sử dụng, là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 47N7-72xx, hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn đỏ đen. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 47N7-72xx là tài sản của anh Nguyễn Phụng S cho bị cáo Phạm Tuấn A mượn làm phương tiện đi lại, việc bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội anh S không biết. Ngày 14/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định trả lại cho anh S nhận quản lý sử dụng, là phù hợp.

Đối với 01 áo khoác màu nâu phía sau áo có dòng chữ LANXINUNTUT là tài sản của bị cáo Phạm Tuấn A, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về bồi thường thiệt hại: Sau khi sự việc xảy ra, ông Phạm N (là bố của bị cáo Phạm Tuấn A) đã tự nguyện bồi thường cho chị Trương Thị M số tiền 4.000.000 đồng và chị Nguyễn Trâm A số tiền 4.000.000 đồng, là tiền bị cáo A trộm cắp của M và chị Trâm A. M và chị Trâm A đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì khác.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Quốc T là người được bị cáo Phạm Tuấn A nhờ mở khóa điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím. Quá trình điều tra xác định, anh T không biết đây là tài sản phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Tuấn A, Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo, là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo Phạm Tuấn A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Tuấn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/01/2023.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 áo khoác màu nâu phía sau áo có dòng chữ LANXINUNTUT là tài sản của bị cáo Phạm Tuấn A.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/4/2023 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B)

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, ông Phạm N (là bố của bị cáo Phạm Tuấn A) đã tự nguyện bồi thường cho chị Trương Thị M số tiền 4.000.000 đồng và chị Nguyễn Trâm A số tiền 4.000.000 đồng, là tiền bị cáo A

trộm cắp của M và chị Trâm A. M và chị Trâm A đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Cơ quan THAHS;
- Đường sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh